

Bản án số: 02/2024/KDTM - PT

Ngày: 26/3/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** ông **Nguyễn Văn Tào**.
- ***Các Thẩm phán:*** ông **Nguyễn Tấn Long** và bà **Trần Thị Kim Liên**.
- ***Thư ký phiên tòa:*** ông **Trần Xuân Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** bà **Trần Thị Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2023/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP N2; địa chỉ: A T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần N2. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Minh Đ - Trưởng phòng khách hàng bán lẻ thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần N2 - Chi nhánh H. Có mặt.

2. Ông Ngô Hoàng Anh V - Phó Trưởng phòng khách hàng bán lẻ thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần N2 - Chi nhánh H. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: G H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976; nơi cư trú: 113/2/1 Bà T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Hồ Văn C, sinh năm 1970. Nơi cư trú: 113/2/1 Bà T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

+ Ông Hồ Văn Q, sinh năm 1952. Nơi cư trú: 2 D, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Như M, sinh năm 1957. Nơi cư trú: 383 P, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Ông Hồ Văn D, sinh năm 1963. Nơi cư trú: 144 P, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Như N, sinh năm 1961. Nơi cư trú: 279 T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

+ Ông Hồ Văn T2, sinh năm 1966. Nơi cư trú: B T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Như T3, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Như T4, sinh năm 1974. Nơi cư trú: 10819 A, H, 77099, Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:**

1. *Quá trình cấp tín dụng:* Căn cứ “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ” ngày 19/01/2015 của bà Nguyễn Thị T1 và ông Hồ Văn C, Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh H (sau đây viết tắt là V1) đã cho bà Nguyễn Thị T1 vay vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh hộ gia đình của gia đình bà Nguyễn Thị T1. Số tiền vay vốn theo hạn mức: 1.500.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh áo quần. Số tiền còn nợ đến ngày 17/7/2017: Nợ gốc 1.483.000.000 đồng; nợ lãi: 32.237.999 đồng; nợ lãi phạt: 33.681.444 đồng.

Khoản vay nêu trên được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ 6 Bà T, phường X, thành phố H, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 890898, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH/00889.2014 10-02 do UBND thành phố H cấp ngày 06/01/2014 cho ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị T1.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 32/2014/TCTS-BDS ngày 13/01/2014 do ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị T1 ký với VCB Huế được công chứng tại Văn phòng C2, tỉnh Thừa Thiên Huế và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đơn số 189 ngày 14/01/2014; Hợp đồng sửa chữa, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 822/2014/TCTS-BDS ngày 01/12/2014 do ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị T1 ký với VCB Huế được công chứng tại Văn phòng C2, tỉnh Thừa Thiên Huế; Hợp đồng sửa chữa, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 59/2015/TCTS-BDS ngày 21/01/2025 do ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị T1 ký với VCB Huế được công chứng tại Văn phòng C2, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong quá trình thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

2. Việc vi phạm hợp đồng:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị T1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh khi khoản vay đến hạn, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn tại Ngân hàng.

Về phía Ngân hàng cũng đã nhiều lần làm việc đôn đốc bà T1 và ông C trả nợ đúng cam kết, nhưng ông bà vẫn không nghiêm túc thực hiện trả nợ cho ngân hàng theo đúng cam kết.

Tính đến ngày 17/7/2017, tổng số nợ gốc, lãi và lãi phạt của bà T1 tại Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh H là: 1.548.919.443 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 1.483.000.000 đồng; nợ lãi: 32.237.999 đồng; nợ lãi phạt quá hạn: 33.681.444 đồng.

Khoản vay nêu trên được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ 6 Bà T, phường X, thành phố H. Hiện tại tài sản trên đang có tranh chấp và được Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm về việc khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai ngày 22/06/2017, tuyên hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 890898 do UBND thành phố H cấp cho vợ chồng ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị T1. Tuy nhiên, đến nay bà Nguyễn Thị T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh H tổng số tiền còn nợ là 1.548.919.443 đồng.

Do những người có nghĩa vụ liên quan không trung thực trong việc kê khai tài sản, thỏa thuận phân chia di sản thừa kế làm ảnh hưởng trực tiếp đến

khoản vay tại Ngân hàng TMCP N2. Vì vậy, với hành vi vi phạm thanh toán nợ vay của bà Nguyễn Thị T1 được nêu như trên, Ngân hàng TMCP N2 khởi kiện hành vi vi phạm của bà Nguyễn Thị T1 tại Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của pháp luật. Các người có nghĩa vụ liên quan có lỗi trong việc không trung thực trong việc kê khai tài sản, thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Do đó, phải có trách nhiệm trong việc bà Nguyễn Thị T1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng TMCP N2. Nay, Ngân hàng TMCP N2 yêu cầu Tòa án buộc:

1. Bà Nguyễn Thị T1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP N2 tổng dư nợ là 2.582.778.748 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.425.000.000 đồng, lãi trong hạn là 761.715.776 đồng, lãi quá hạn là 396.062.972 đồng) tính đến ngày 18/10/2023.

2. Về tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ 6 Bà T, phường X, thành phố H. Hiện đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử tuyên hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 890898 do UBND thành phố H cấp cho vợ chồng ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị T1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:** Vào ngày 21/5/2015, Bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP N2 - chi nhánh H. Theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay, hiện cả gốc và lãi 1.522.994.166 đồng là Quyền sử dụng đất và sở hữu nhà tại 6 Bà T, phường X, thành phố H (địa chỉ hiện tại 113/2/1 Bà T, phường X, thành phố H) với diện tích 289,0m².

Theo bản án phúc thẩm căn nhà và đất trên đã chuyển sang di sản thừa kế không còn là tài sản riêng của vợ, chồng bà nên số nợ 1.522.994.166 đồng mà Ngân hàng TMCP N2 - chi nhánh H yêu cầu phải thanh toán thì vợ, chồng bà đồng ý với khoản nợ trên và xin Ngân hàng TMCP N2 - chi nhánh H cho phép được trả gốc theo từng giai đoạn như trong hợp đồng đã cam kết và đề nghị Ngân hàng xem xét để giảm lãi và cho Bà thanh toán phần nợ gốc là 1.483.000.000 đồng.

*** Tại Bản tự khai ngày 05/01/2018 của ông Hồ Văn C trình bày:** Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T1. Vào ngày 21/5/2015, vợ chồng Ông có ký hợp đồng với Ngân hàng TMCP N2 để vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, mục đích kinh doanh áo quần. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp là nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 6 Bà T, thành phố H. Trong quá trình vay vốn vợ chồng Ông thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ. Tuy nhiên, do tài sản thế chấp không còn là tài sản riêng vợ chồng Ông nên Ngân hàng N2 khởi kiện yêu cầu vợ chồng Ông phải trả số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2017 là 1.548.919.443 đồng (bao gồm cả gốc và lãi) vợ chồng Ông đồng ý với khoản nợ trên nhưng không có khả năng trả một lần nên Ông xin ngân hàng tạo điều kiện để trả số tiền theo từng giai đoạn như trong hợp đồng đã cam kết. Hiện tại Ông

đang gặp khó khăn kinh tế nên xin Ngân hàng giảm lãi chỉ thanh toán phần nợ gốc là 1.483.000.000 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 41, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 323; khoản 3 Điều 327, Điều 290, 348, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 106, Điều 166, Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N2.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Hồ Văn C phải trả cho Ngân hàng TMCP N2 số tiền nợ gốc là 1.425.000.000 đồng, lãi trong hạn là 761.715.776 đồng, lãi quá hạn là 396.062.972 đồng. Tổng cộng là 2.582.778.748 đồng.

2. Không xem xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP N2 về việc phát mại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 28, tại địa chỉ 6 Bà T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Giấy chứng nhận QSDĐ số BQ 890898, số vào sổ CH/00889.2014 10-02, do UBND thành phố H cấp ngày 06/01/2014 cho ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị T1).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 01/11/2023, Ngân hàng TMCP N2 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án phúc thẩm buộc những người có liên quan đến lỗi không trung thực trong việc kê khai tài sản, thỏa thuận phân chia di sản thừa kế phải liên đới chịu trách nhiệm cùng với vợ chồng ông C, bà T1 trả nợ cho Ngân hàng và tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP N2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP N2; nhận thấy:

[1.1]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp; nhận thấy: Để đảm bảo cho các khoản vay, bên vay (vợ chồng ông Hồ Văn C1, bà Nguyễn Thị T1) đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 32/2014/TCTS-BDS ngày 13/01/2014; Hợp đồng sửa chữa, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 822/2014/TCTS-BDS ngày 01/12/2014; Hợp đồng sửa chữa, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 59/2015/TCTS-BDS ngày 21/01/2025, thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 28, tại địa chỉ 6 Bà T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Giấy chứng nhận QSDĐ số BQ 890898, sổ vào sổ CH/00889.2014 10-02, do UBND thành phố H cấp ngày 06/01/2014 cho ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị T1); Các Hợp đồng này được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức, đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tuy nhiên, ngày 22/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Bản án hành chính phúc thẩm số 04/2017/HC-PT tuyên bố hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác trên thửa đất số BQ 890898, sổ vào sổ CH/00889.2014 10-02, do UBND thành phố H cấp ngày 06/01/2014 cho ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị T1, nên việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng cũng sẽ chấm dứt theo quy định tại Điều 327 Bộ luật dân sự. Do đó, việc Ngân hàng TMCP N2 kháng cáo yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là không có cơ sở.

[1.2]. Về yêu cầu buộc những người có liên quan đến lỗi không trung thực trong việc kê khai tài sản, thỏa thuận phân chia di sản thừa kế phải liên đới chịu trách nhiệm cùng với vợ chồng ông C, bà T1 trả nợ cho Ngân hàng; nhận thấy: Những người cùng hàng thừa kế với ông Hồ Văn C, tuy có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ đối với tài sản mà vợ chồng ông C thế chấp tại Ngân hàng, nhưng họ không tham gia ký kết Hợp đồng tín dụng; không tham gia việc thế chấp tài sản cho Ngân hàng, nên họ không liên quan đến quyền và nghĩa vụ trong vụ kiện Hợp đồng tín dụng này. Do đó, việc Ngân hàng TMCP N2 kháng cáo yêu cầu buộc những người có liên quan đến lỗi không trung thực trong việc kê khai tài sản, thỏa thuận phân chia di sản thừa kế phải liên đới chịu trách nhiệm cùng với vợ chồng ông C, bà T1 trả nợ cho Ngân hàng là không có cơ sở.

Ngân hàng TMCP N2 kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ để chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP N2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của Ngân hàng TMCP N2; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/DSST ngày 18/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Về án phí phúc thẩm: Ngân hàng TMCP N2 phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000055 ngày 21/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (do Trần Thị Phương N1 nộp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào